



Phụ lục IV

PHÂN LOẠI ĐƯỜNG PHỐ CÁC THỊ TRẤN

(Kèm theo Nghị quyết số: 23/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN KHE SANH

I. Đường loại 2a:

1. Lê Duẩn: Đoạn từ Tượng đài đến giáp đường Lê Lợi và hết nhà ông Cường

II. Đường loại 2d:

1. Hùng Vương: đoạn từ nhà ông Thìn đến giáp đường Lê Lợi
2. Lê Duẩn: Đoạn từ đường Lê Lợi và hết nhà ông Cường đến giáp cầu Khe Sanh
3. Hai Bà Trưng: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Ngô Sỹ Liên
4. Ngô Sỹ Liên: đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà ông Dũng
5. Lê Lợi: từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Duẩn
6. Nguyễn Trãi: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi

III. Đường loại 3a:

1. Ngô Sỹ Liên: đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà ông Dũng
2. Lê Duẩn: đoạn từ cầu Khe Sanh đến hết khối 4
3. Lê Lợi: từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Duẩn
4. Hồ Chí Minh: đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Km 1 (hướng Khe Sanh - Hướng Phùng)

IV. Đường loại 3b:

1. Hàm Nghi: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi
2. Đường 9/7: đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Lê Duẩn
3. Phan Đình Phùng: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Lê Lợi
4. Phan Chu Trinh: từ đường Hùng Vương đến giáp đường Đinh Tiên Hoàng
5. Đinh Tiên Hoàng: từ đường Lê Duẩn đến giao đường Phan Chu Trinh
6. Chu Văn An: đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Nguyễn Khuyên
7. Trường Chinh: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Hoàn
8. Phạm Hùng: đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Hàm Nghi
9. Hồ Chí Minh: đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Km 1 (hướng Khe Sanh - Hướng Phùng) đến hết Km 2.

10. Trần Hữu Thận: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi
11. Đinh Công Tráng: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi
12. Chế Lan Viên: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi
13. Võ Thị Sáu: Từ đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi

V. Đường loại 3c:

1. Phạm Hùng: đoạn từ đường Hùng Vương đến giáp đường Hàm Nghi
2. Bùi Thị Xuân: đoạn từ đường Ngô Sỹ Liên đến giáp đường Hà Huy Tập
3. Ngô Sỹ Liên: đoạn từ nhà ông Dũng đến hết nhà ông Mạnh
4. Lê Quang Đạo: đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Công ty Cà phê Đường 9
5. Trương Định: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Phan Đình Phùng
6. Ngô Sỹ Liên: đoạn từ nhà bà Nga đến hết nhà ông Trung
7. Trần Hữu Dực: đoạn từ đường Hai Bà Trưng đến hết nhà ông Tấn
8. Hồ Chí Minh: đoạn từ Km số 2 đến giáp xã Hướng Tân

VI. Đường loại 3d:

1. Trần Cao Vân: đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà bà Cương
2. Trần Hoàn: đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết Xí nghiệp cấp thoát nước Khe Sanh
3. Nguyễn Viết Xuân: đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà ông Đình
4. Nguyễn Khuyến: đoạn từ đường Phan Chu Trinh đến hết nhà ông Tuấn
5. Hà Huy Tập: đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà bà Thơi
6. Đào Duy Từ: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Phan Chu Trinh
7. Hùng Vương: đoạn từ đường Lê Lợi đến hết cầu đi khối 7
8. Phan Đình Phùng: đoạn từ đường Lê Lợi đến đường HCM

VII. Đường loại 3e:

1. Phạm Ngũ Lão: đoạn từ đường Lê Lợi đến hết cầu đi lò gạch cũ
2. Ngô Sỹ Liên: đoạn từ nhà bà Hiệp đến hết nhà ông Bút
3. Đinh Tiên Hoàng: đoạn giao đường Phan Chu Trinh đến giáp cầu đi Pa Nho
4. Nguyễn Đình Chiểu: từ đường Lê Duẩn đến đường Bùi Dục Tài
5. Trần Hoàn: Đoạn từ nhà máy nước đến giáp xã Tân Liên

VIII. Đường loại 4a:

1. Võ Thị Sáu: đoạn từ Đường Lê Lợi đến giáp hồ Tân Độ
2. Văn Cao: đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Tính
3. Lê Thánh Tông: đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Thạc
4. Trần Hữu Thận: đoạn từ Đường Lê Lợi đến giáp hồ Tân Độ
5. Nguyễn Trãi: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp nhà bà Tâm

6. Lê Hành: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp nhà ông Giang
7. Đặng Thai Mai: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Hữu Dục
8. Nguyễn Hữu Thọ: đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp đường Bùi Dục Tài
9. Đinh Công Tráng: đoạn từ Đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Ái
10. Nguyễn Thị Định: đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà ông Xứ
11. Nguyễn Trãi: đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà bà Lai
12. Chế Lan Viên: đoạn từ Đường 9/7 đến giáp đường Lê Lợi
13. Trương Định: Đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến giáp Hồ Tân Độ
14. Phan Chu Trinh: Đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến hết nhà ông Ba
15. Nguyễn Đình Chiểu: từ đường Bùi Dục Tài đến đường Phan Chu Trinh
16. Nguyễn Văn Linh: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Bùi Thị Xuân
17. Trần Nguyên Hãn: đoạn từ đường Hùng Vương đến hết nhà ông Lý
18. Trần Quang Khải: từ đường Hồ Chí Minh đến giáp đường Trương Định
19. Nguyễn Viết Xuân: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Bùi Dục Tài

IX. Đường loại 4b:

1. Trương Công Kính: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Trần Cao Vân
2. Nguyễn Biểu: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp hội trường khóm 4
3. Nguyễn Viết Xuân: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Bùi Dục Tài
4. Bùi Dục Tài: đoạn từ đường Đào Duy Từ đến giáp nhà ông Hiền
5. Nguyễn Khuyến: đoạn từ nhà Ông Tuấn đến giáp nhà bà Thanh
6. Trần Cao Vân: đoạn từ đường Lê Duẩn đến giáp đường Đoàn Khuê

X. Đường loại 4c:

1. Hàm Nghi: đoạn từ đường Lê Lợi đến giáp nhà Ông Thanh
2. Hồ Sỹ Thán: đoạn từ đường Lê Duẩn đến hết nhà bà Huê
3. Bùi Thị Xuân: đoạn từ đường Hà Huy Tập đến giáp đường Hồ Sỹ Thán
4. Nguyễn Khuyến: Đoạn từ nhà bà Thanh đến giáp nhà ông Pay

XI. Các đoạn đường còn lại có mặt cắt:

I. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 3e
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4a
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp loại đường 4b
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4a
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp loại đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (bao gồm cả phần trải nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.

B. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN LAO BẢO

I. Đường loại 2a:

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường Kim Đồng đến đường Nguyễn Tri Phương

II. Đường loại 2b:

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ đoạn từ cầu A Trùm đến đường Kim Đồng
2. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến hết cửa khẩu Lao Bảo
3. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Quốc lộ 9
4. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Trần Hưng Đạo đến đường Trần Phú
5. Nguyễn Huệ: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Quý Đôn
6. Các đoạn đường của khu đấu giá đất thuộc khu KT-TM đặc biệt Lao Bảo

III. Đường loại 2c:

1. Trần Phú: Từ đường Nguyễn Huệ đến giáp Quốc lộ 9
2. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ đường Trần Phú đến đường Phan Bội Châu
3. Nguyễn Huệ: Đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Lê Thế Tiết
4. Phạm Văn Đồng: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết
5. Lê Quý Đôn: Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng đến giáp đường Nguyễn Huệ

IV. Đường loại 2d:

1. Trần Mạnh Quý: Từ đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Ngô Quyền
2. Mai Thúc Loan: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến đường Ngô Quyền

V. Đường loại 3a:

1. Ngô Quyền: Đoạn từ đường Bạch Đằng đến giáp đường Phan Bội Châu
2. Hoàng Diệu: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong

3. Lê Hồng Phong: Từ đường Hoàng Diệu đến giáp nhà bà Đặng Thị Ngọc Hân và trạm điện 110KV

VI. Đường loại 3b:

1. Lê Quý Đôn: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Hoàng Hoa Thám

2. Bạch Đằng: đoạn từ đường Trần Phú đến giáp đường Phan Bội Châu

VII. Đường loại 3c:

1. Phan Bội Châu: từ đường Bạch Đằng đến giáp đường Lý Thường Kiệt

2. Hoàng Hoa Thám: đoạn từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Phan Bội Châu

3. Lê Thế Tiết: Đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến hết nhà ông Nguyễn Lân và ông Nguyễn Chí Tuệ

4. Hoàng Hoa Thám: từ đường Lê Quý Đôn đến giáp đường Lê Thế Tiết

VIII. Đường loại 3d:

1. Lê Thế Hiếu: đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong

2. Nguyễn Tri Phương: đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp nghĩa trang thị trấn Lao Bảo

3. Nguyễn Chí Thanh: từ đường Quốc lộ 9 đến Nguyễn Tri Phương

4. Tôn Đức Thắng: từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong

5. Kim Đồng: đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong

6. Huyền Trân Công Chúa: từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết

7. Lý Thái Tổ: đoạn từ Công ty Hùng Lương đến giáp đường Lê Hồng Phong

8. Lê Thế Tiết: Đoạn từ nhà ông Phan Văn Sang và ông Nguyễn Hữu Diễn đến hết đất ông Nguyễn Tựu và ông Trương Chiêm

IX. Đường loại 3e:

1. Hữu Nghị: đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Thế Tiết

2. Cu Bai: đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Lê Hồng Phong

3. Cao Thắng: đoạn từ đường Kim Đồng đến giáp đường Ngô Gia Tự

4. Nguyễn Trường Tộ: đoạn từ nhà ông Tiếp đến giáp đường Hải Thượng Lãn Ông

5. Hoàng Hoa Thám: từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Thạch Hãn

6. Đội Cung: đoạn từ đường Quốc lộ 9 đến giáp nhà ông Tiết

7. Nguyễn Gia Thiều: đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến giáp đường Hải Thượng Lãn Ông.

8. Ngô Gia Tự: từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến giáp đường Hoàng Diệu

9. Tô Hữu: đường Thạch Hãn (ông Nguyễn Ngọc Thắng) đến giáp nghĩa địa khóm Tân Kim

X. Đường loại 4a:

1. Huỳnh Thúc Kháng: từ đường Hữu Nghị đến giáp đường Nguyễn Huệ
2. Hải Thượng Lãn Ông: đoạn từ Quốc lộ 9 đến giáp đường Nguyễn Trường Tộ và nhà bà Nguyễn Thị Luy.
3. Đường khóm Trung 9: đoạn từ Huyện Trần Công Chúa đến giáp đất nhà ông Lê Phước Huy và ông Trần Nhật Cường
4. Đường khóm Trung 9: đoạn từ Huyện Trần Công Chúa (ông Trương Văn Sanh) đến giáp đường Phạm Văn Đồng
5. Đường khóm Xuân Phước: đoạn từ Huyện Trần Công Chúa (ông Nguyễn Thi) đến giáp đường Phạm Văn Đồng
6. Phan Đăng Lưu: đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Thạch Hãn
7. Lê Chương: từ đường Quốc lộ 9 đến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai
8. Nguyễn Thị Minh Khai: từ đường Quốc lộ 9 đến ngã ba khóm Khe Đá
9. Nguyễn Hữu Đồng: đoạn từ nhà ông Trương Thương đến giáp trạm bơm Lao Bảo và ông Trần Đình Ý
10. Đặng Văn Ngữ: đoạn từ Nguyễn Hữu Đồng đến giáp đất nhà ông Nguyễn Căn và Trần Văn Đây
11. Lê Lai: đoạn từ đường Hồ Bá Kiện đến giáp đường Hồng Chương
12. Thạch Hãn: đoạn từ đường Lê Thế Tiết đến giáp đường Lê Quý Đôn
13. Trần Quý Cáp: đoạn từ Quốc lộ 9 (nhà ông Thạnh) đến hết xí nghiệp nước Lao Bảo
14. Ông Ích Khiêm: đoạn từ đường Lê Thế Hiếu đến giáp đường Hoàng Diệu
15. Hồ Bá Kiện: Đoạn từ nhà ông Nguyễn Văn Huy và đối diện là nhà ông Nguyễn Khương Việt đến đường Duy Tân- Tân Kim
16. Nguyễn Thiện Thuật: đoạn từ nhà ông Đặng Quang Mẫn và nhà văn hoá khóm Cao Việt đến đường Lê Lai.
17. Cao Bá Quát: Đoạn từ đường Huỳnh Thúc Kháng đến hết nhà ông Nguyễn Văn Mông và đối diện là Sân bóng đá khóm Xuân Phước.
18. Đặng Tất: Đoạn từ đường Phạm Văn Đồng và đến giáp nhà ông Nguyễn Văn Lộc và đối diện là nhà bà Nguyễn Thị Lý
19. Nguyễn Gia Thiều: Từ đường Nguyễn Trị Phương (nhà ông Lê Bá Tự) đến giáp đường Lý Thái Tổ (đất ông Phan Thanh Khương)

XI. Đường loại 4b:

1. Nguyễn Tự Như: đoạn từ đường Nguyễn Huệ đến giáp đường Thạch Hãn
2. Đoạn đường nội khóm Vĩnh Hoa: đoạn từ Quốc lộ 9 đến Nguyễn Hữu Đồng
3. Thạch Hãn: đoạn từ Lê Thế Tiết đến giáp đất Hồ Văn Cao và ông Hồ Văn Hoàn
4. Lê Văn Huân: đoạn từ đường Hoàng Hoa Thám đến giáp đường Phan Đăng Lưu
5. Trần Thị Tâm: đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Nguyễn Thị Minh Khai
6. Phan Huy Chú: đoạn từ Huỳnh Thúc Kháng đến nhà ông Bắc và bà Trương Thị Thuyên
7. Đường nội khóm Trung 9: đoạn từ đường Quốc lộ 9 (nhà ông Dẫn) đến giáp đường Phạm Văn Đồng
8. Đường nội khóm Tân Kim: Đoạn từ đường Phan Đăng Lưu đến đường vành đai.
9. Đào Duy Anh: đoạn từ Lê Thế Tiết đến giáp nhà ông Nguyễn Văn Định và ông Nguyễn Kim Hiếu
10. Phùng Hưng: đoạn từ Lê Thế Tiết đến đường vành đai
11. Đặng Tất: Đoạn từ đường Nguyễn Huệ và đến giáp nhà ông Đặng Quang Em (khóm Cao Việt)
12. Nguyễn Bình Khiêm: đoạn từ Lê Thế Tiết đến giáp đất ông Trương Nam và Trương Văn Văn

XII. Đường loại 4c:

1. Nguyễn Công Trứ: đoạn từ Lê Thế Tiết đến đường vành đai
2. Đoàn Bá Thừa: đoạn từ nhà ông Cẩm đến giáp nhà ông Lộc
3. Khóa Bào: đoạn từ Hồ Bá Kiện đến đường Hồng Chương
4. Đường nội khóm Cao Việt: đoạn từ Lê Quý Đôn đến giáp đất ông Nguyễn Văn Bảo và ông Nguyễn Phi Mậu
5. Hồng Chương: Từ đường Hoàng Hoa Thám đến giáp nhà bà Hoàng Thị Bê và ông Trương Văn Cảnh

XIII. Đường còn lại có mặt cắt:

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:
 - Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 3e
 - Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4a
 - Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp loại đường 4b

- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.
- 2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:
 - Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4a
 - Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4b
 - Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp loại đường 4c
 - Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.
- 3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (*bao gồm cả phần trải nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng*) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.

C. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN KRÔNG KLANG

I. Đường loại 2c:

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ ngã 3 vào đường T3 đến ngã 3 giáp đường ĐĐT81

I. Đường loại 3a:

1. Tuyến ĐĐT588A: Đoạn từ QL9 đến cầu San Ruôi
2. Quốc lộ 9: Đoạn từ ngã 3 vào đường T3 đến cầu Z

II. Đường loại 3b:

1. ĐĐT.79: Đoạn từ QL9 đến ĐĐT.77D
2. ĐĐT.80: Đoạn từ QL9 đến ĐĐT.77D
3. Quốc lộ 9: Đoạn từ đường ĐĐT81 đến cầu Khe Xôm

II. Đường loại 3c:

1. Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu Z đến cầu Giêng

III. Đường loại 3d:

1. ĐĐT79: Đoạn từ tuyến số 6 đến hết tuyến
2. ĐĐT77D: Đoạn từ ĐĐT.79 đến tuyến ĐĐT.81
3. ĐĐT80: Đoạn từ ĐĐT.77D đến hết tuyến
4. Tuyến ĐĐT81: Đoạn từ QL9 đến hết tuyến
5. Tuyến ĐĐT588A: Đoạn từ Cầu San Ruôi đến Cầu X
6. Quốc lộ 9: Đoạn từ cầu Giêng đến giáp ranh xã Hướng Hiệp
7. Tuyến ĐĐT.76: từ Km40+970 Quốc lộ 9 đến Km0+740 đường ĐĐT588A

IV/ Đường thuộc loại 3e:

1. Tuyến ĐĐT.78: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết tuyến

2. Tuyến ĐĐT.77B: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến hết tuyến
3. Tuyến ĐĐT.77: Đoạn từ Quốc lộ 9 đến Tuyến đường ĐĐT.77B.
4. Tuyến ĐĐT.77D: Đoạn từ tuyến ĐĐT.77B đến tuyến ĐĐT.79.
5. Tuyến ĐĐT.76B: Đoạn từ tuyến ĐĐT.75 đến tuyến ĐĐT.76

V. Đường loại 4a:

1. Tuyến ĐĐT588A: Đoạn từ Cầu X đến giáp ranh xã Mò ó.

VI. Đường loại 4b:

1. Toàn tuyến đường ĐĐT.75

VII. Các đoạn đường còn lại có mặt cắt:

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4a
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp loại đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4c
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp vị trí 2 đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (*bao gồm cả phần trái nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng*) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.

D. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN CAM LỘ

I. Đường loại 2a:

1. Đường 02/4: Đoạn từ phía Tây cầu Nghĩa Hy đến Km 14+050 LQ9

III. Đường loại 2c:

1. Đường 02/4: đoạn từ phía Tây cầu Tân Trúc đến phía Đông cầu Nghĩa Hy (trừ phần phía Bắc QL9 - thuộc phần địa giới xã Cam Hiếu)

IV. Đường loại 3a:

1. Đoạn đường Càn vương và Trần Phú: đoạn từ phía Nam cầu Đuôi đến ngã ba đường 02/4 (nhà bà Trâm, khu phố 4 - thị trấn)

2. Nguyễn Huệ: Đoạn từ km 12+470 Quốc lộ 9 (đồn Công an thị trấn) đến giáp đường Cần Vương
3. Nguyễn Hữu Thọ: Đoạn từ Km 13+300 Quốc lộ 9 vào khu Chính phủ Cách mạng lâm thời đến giáp đường nội thị khu phố Tây Hòa-An Hưng - giao tuyến dọc kè sông Hiếu (hết đoạn đường bê tông nhựa)
4. Trần Hưng Đạo: đoạn từ km 13+410 Quốc lộ 9 (Công an huyện) đến giáp phía Nam mố cầu Cam Tuyền (bao gồm đoạn đường Nguyễn Tri Phương)
5. Phan Bội Châu: đoạn từ Km 13+700 Quốc lộ 9 (nhà bà Ngân) đến giáp đường Cần Vương
6. Hàm Nghi: Đoạn từ ngã tư Trung tâm Y tế (nhà bà Nhân) đi qua sân vận động - Nhà thi đấu thể thao - đến giáp đường Phan Bội Châu
7. Tôn Thất Thuyết và Lê Thế Tiết: Đoạn nối đường Hàm Nghi qua nhà Văn hóa sinh hoạt cộng đồng khu phố 2 đến điểm giao nhau với đường Khoá Bảo
8. Cần Vương: Đoạn từ ngã tư đường vào Khu Chính phủ CMLT đến ngã tư đường Nội thị (nhà ông Phúc - giáp địa giới xã Cam Thành)
9. Khoá Bảo: Đoạn từ Km 13+960 Quốc lộ 9 (tịnh xá Ngọc Lộ) đến giáp đường Cần Vương

V. Đường loại 3b:

1. Huỳnh Thúc Kháng: đoạn từ Km 12+150 Quốc lộ 9 đến giáp Cần Vương (đường quy hoạch vùng sụt lún)
2. Khoá Bảo: Đoạn từ đường Cần Vương (nhà bà Phấn - khu phố An Hưng) đến giáp đường liên thôn Phước Tuyền- An Hưng
3. Cần Vương: Đoạn từ ngã ba chợ Phiên (nhà ông Nguyễn) lên ngã tư Nguyễn Hữu Thọ (khu Chính phủ Cách mạng lâm thời).

VI. Đường loại 3c:

1. Lý Thường Kiệt: đoạn từ Km 12+350 Quốc lộ 9 đi qua Trạm xá thị trấn đến đường nhánh Hồ Chí Minh (nhà ông Côi)
2. Dương Văn An: đoạn từ Km 12+980 Quốc lộ 9 (nhà ông Quốc – Mỹ) đến giáp đường Cần Vương
3. Hai Bà Trưng: đoạn từ Km 13+410 (Bưu điện Cam Lộ) chạy theo hướng Tây Nam ra đến Quốc lộ 9 Km 13+790 (cây xăng - Công ty xăng dầu Quảng Trị)
4. Đường nội thị: Đường hai bên chợ Trung tâm thị trấn Cam Lộ
5. Tuyến đường nội thị: Vùng sụt lún có mặt cắt nền đường 20,5m.
6. Lê Lợi: Đoạn từ Km 12+470 Quốc lộ 9 đến giáp phía Bắc cầu số 1 Nam Hùng

7. Nguyễn Hoàng: Đoạn từ Km 12+700 Quốc lộ 9 (Trường PTTH Cam Lộ) đến giáp đường Cần Vương
8. Chế Lan Viên: Đoạn đường từ Km 12+930 Quốc lộ 9 (Hạt Kiểm lâm) đến đường Hai Bà Trưng
9. Lê Quý Đôn: Đoạn đường từ Km 12+800 Quốc lộ 9 đến nhà ông Quang
10. Đường nội thị quanh chợ Ngô Đồng (cũ): Đoạn đường từ Quốc lộ 9 (nhà ông Dũng - khu phố 1) đến nhà bà Thúy.
11. Đường nội thị quanh chợ Ngô Đồng (cũ): Đoạn từ nhà ông Tiến đi qua sau hội trường khu phố 1 đến giáp đường Chế Lan Viên
12. Lê Thế Tiết: Đoạn từ nhà ông Thảo khu phố 2 đến giáp đường Cần Vương (nhà ông Ngoạn)

VII. Đường loại 3d:

1. Các tuyến đường bê tông vùng sụt lún có mặt cắt nền đường từ 10-13m
2. Đoạn đường Tỉnh lộ 15 (cũ): đoạn từ hàng rào phía Tây (hội Người mù huyện) đi qua chợ Phiên ra giáp ngã ba đường nhánh Hồ Chí Minh (nhà ông Nguyễn - khu phố Đông Định)

VIII. Đường loại 3c:

1. Lê Thế Hiếu: Từ nhà Bác sỹ Bảo đến nhà ông Tuất (giáp đường Nguyễn Huệ)

IX. Đường loại 4a:

1. Nguyễn Trị Phương: Đoạn từ nhà ông Hiền (Tây Hòa - thị trấn) đến giáp đường địa giới xã Cam Thành (nhà ông Nậu - An Hưng - thị trấn)
2. Lê Lợi: Đoạn từ phía Nam cầu số 1 Nam Hùng đến hết đường Lê lợi, kéo dài giáp đường WB2 thôn Nam Hùng
3. Hai đoạn trên và dưới Chùa Cam Lộ:
 - Đoạn giáp đường Cần Vương: Phía Tây Chùa Cam Lộ đến giáp đường Ngô Quyền (dường cứu hộ cứu nạn thị trấn)
 - Đoạn giáp đường Cần Vương: Từ nhà ông Long đến giáp đường Ngô Quyền

X. Các đoạn đường còn lại có mặt cắt:

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:
 - Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4b
 - Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp loại đường 4c
 - Các đoạn đường chưa đủ tiêu chuẩn, chưa được xếp loại theo phụ lục này thì xếp theo vị trí 4- đường loại 4c.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 6 m đến dưới 8 m: xếp loại đường 4c
- Mặt cắt từ 3 m đến dưới 6 m: xếp vị trí 2 đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (*bao gồm cả phần trái nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng*) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.

E. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN GIO LINH:

I. đường loại 1b:

1. Quốc lộ 1A: đoạn từ đường vào Trường Tiểu học Thị trấn Gio Linh đến Đường vào Sân vận động.

II. đường loại 1c:

1. Quốc lộ 1A: đoạn từ đường vào Trường Tiểu học Thị trấn Gio Linh đến ranh giới giữa Thị trấn Gio Linh và xã Gio Phong.

2. Quốc lộ 1A: đoạn từ đường vào sân vận động đến ranh giới giữa Thị trấn Gio Linh và xã Gio Châu.

III. Đường loại 2d:

1. Tỉnh lộ 75 Đông: từ Đường Quốc lộ 1A đến Đường Gio Châu-Dộc Miếu

IV. Đường loại 3a:

1. Đường phía Nam chợ Cầu (cả đường) và Đường phía Bắc chợ Cầu (cả đường)

2. Tỉnh lộ 75 Tây: đoạn từ đường Quốc lộ 1A đến ranh giới giữa Thị trấn Gio Linh và xã Gio Châu.

V. Đường loại 3b:

1. Đoạn đường vào trường Mầm non Họa Mi: từ Đường Quốc lộ 1A đến đường giao nhau với đường phía Đông chợ Cầu.

2. Đường phía Đông chợ Cầu: đoạn từ đường 75 đông đến đường vào Trường Mầm non Họa Mi.

3. Tỉnh lộ 75 Đông: Đoạn từ ngã tư giao nhau với đường Gio Châu-Dộc Miếu đến cầu Bến Sanh

IV. Đường loại 3c:

1. Tỉnh lộ 75 Đông: Đoạn từ cầu Bến Sanh đến ranh giới giữa Thị trấn Gio Linh và xã Gio Mỹ.

VII. Đường loại 3e:

1. Đường Gio Châu-Dốc Miếu: đoạn từ Quốc lộ 1A đến đường từ Quốc lộ 1A về Trường Hòa Mi kéo dài.

2. Đoạn đường: từ đường 75 đông đến đình Hà Thượng.

3. Đoạn đường: Từ đường 75 đông đến đường vào công chính sân vận động

VIII. Đường loại 4a:

1. Đường Gio Châu-Dốc Miếu: đoạn còn lại

2. Đoạn đường: từ Quốc lộ 1A về Trường Tiểu Học Thị trấn đến đường Gio Châu-Dốc Miếu.

3. Đoạn đường về Đình Hà Thượng: Từ Quốc lộ 1 A đến đường Gio Châu-Dốc Miếu.

4. Đường phía đông chợ Cầu kéo dài: đoạn còn lại

5. Đoạn đường: từ đường Quốc lộ 1A vào sân vận động đến đường Gio Châu-Dốc Miếu.

6. Đoạn đường: từ đường 75 đông vào khu liên hiệp thể dục thể thao

7. Đoạn từ Quốc lộ 1A (nhà cô Châu, thầy Lành) đến đường Gio Châu-Dốc Miếu.

8. Đoạn từ Quốc lộ 1 A về thôn Lan Đình

9. Đoạn đường: từ đường Quốc lộ 1A đến trường THPT Nguyễn Du.

10. Đoạn đường ranh giới giữa khu phố 3, khu phố 4 và khu phố 11: Từ Quốc lộ 1 A đến ngã 3 cây sanh

IX. Đường loại 4b:

1. Đoạn đường ranh giới giữa khu phố 3, khu phố 4 và khu phố 11: Đoạn còn lại (Từ ngã 3 cây sanh về thôn Lan Đình và từ ngã 3 cây sanh về đình làng Hà Thượng)

2. Đoạn đường: từ tường phía Nam Tòa án đến qua đường 75 Tây (đi về phía bắc) đến hết nhà ông Thi khu phố 2.

3. Đoạn đường về đình làng Hà Thượng: đoạn từ đường phía Đông chợ Cầu đến đường Gio Châu - Dốc Miếu + 100m (đoạn còn lại)

4. Đoạn đường: từ trường Mầm non Hòa Mỹ đến đường Gio Châu-Dốc Miếu + 100m (đoạn còn lại).

5. Các đoạn đường: Từ đường 75 Đông đến các giếng nước Công ty cấp thoát nước

6. Đoạn đường: Từ đường Quốc lộ 1A đến hết thị trấn Gio Linh theo hướng vào đường sắt Hà Trung.
7. Đoạn từ đường Quốc lộ 1 A(nhà ông Châu) đến đường Gio Châu-DốcMiếu
8. Đường Quốc lộ 1 A vào sân vận động đoạn còn lại (qua đường Gio Châu-Dốc Miếu)
9. Đoạn đường về đình làng Hà Thượng: đoạn còn lại
10. Đoạn đường: Từ đường 75 đông đến trại giam công an huyện
11. Đoạn đường từ Quốc lộ 1 A vào đường sắt Hà Trung

X. Đường loại 4c:

1. 02 đoạn đường: từ đường Gio Châu - Dốc Miếu đến Đình Hà Thượng.

XI. Các đoạn đường còn lại có mặt cắt:

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4a
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp loại đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4c
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp vị trí 2 đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (*bao gồm cả phần trái nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng*) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.

G. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN CỬA VIỆT:

I. Đường loại 3b:

1. Đường Xuyên Á; đường qua cầu Cửa Việt

II. Các tuyến đường chưa có tên, chưa được xếp loại, mặt cắt đường đã được nhựa, bê tông, đường đất thì phân loại như sau:

TT	Mặt cắt	Đường nhựa	Bê tông	Đường đất
1	Có mặt cắt bằng và lớn hơn 26m	3b	3c	
2	Có mặt cắt bằng 20 m đến dưới 26 m	3c	3d	4b
3	Có mặt cắt lớn hơn 13 m đến dưới 20 m	3d	3e	
4	Có mặt cắt từ 8 m đến bằng 13 m	3e	4a	
5	Có mặt cắt lớn hơn 6 m đến dưới 8 m	4a	4b	4c
6	Có mặt cắt lớn hơn 3 m đến bằng 6 m	4b	4c	Vị trí 2- 3e
7	Có mặt cắt dưới đến bằng 3 m	Xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại		

2. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (*bao gồm cả phần trải nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng*) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.

3. Những đường chưa đủ tiêu chuẩn xếp loại, chưa được xếp loại theo phụ lục này thì xếp theo vị trí của các đường đã được xếp loại

H. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN ÁI TỬ:

I. Đường loại 1b:

1. Quốc Lộ 1A: Đoạn từ ranh giới phía bắc giáp xã Triệu Ái đến ranh giới phía Nam giáp xã Triệu Thượng.

II. Đường loại 1c:

2. Đường T20: Đoạn từ Huyện Trần Công Chúa đến đường T5

III. Đường loại 1d:

T5(RD5): Đoạn từ Quốc lộ 1 A đến cầu An Mô

IV. Đường loại 2a:

1. Đường T19 (Song song với Quốc lộ 1 A): Cả đường

2. RD 23; RD 25; RD 26

V. Đường loại 2b:

1. Nguyễn Trãi: Đoạn từ Quốc lộ 1 A đến Nguyễn Hoàng

2. Lê Lợi: Đoạn từ Quốc lộ 1 A đến Nguyễn Hoàng

3. Nguyễn Huệ: Đoạn từ Quốc lộ 1 A đến Nguyễn Hoàng

4. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ Quốc lộ 1 A đến Nguyễn Hoàng

5. Nguyễn Du: Đoạn từ Quốc lộ 1 A đến Nguyễn Hoàng

6. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ Quốc lộ 1 A đến Nguyễn Hoàng

7. Hai Bà Trưng: Đoạn từ Quốc lộ 1 A đến Nguyễn Hoàng

8. Nguyễn Hoàng: Đoạn từ Hai Bà Trưng đến Lê Lợi

VI. Đường loại 2c:

1. Nguyễn Trãi: Đoạn từ Nguyễn Hoàng đến cụm công nghiệp làng nghề thị trấn Ái Tử.

2. Lê Lợi: Đoạn từ Nguyễn Hoàng đến giao nhau với đường sắt

3. Nguyễn Huệ: Đoạn từ Nguyễn Hoàng đến giao nhau với đường Trần Hữu Dực

4. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ Nguyễn Hoàng đến giao nhau với đường Lý Thái Tổ.

5. Nguyễn Du: Đoạn từ Nguyễn Hoàng đến cổng Chùa Sắc Tứ.

6. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ Nguyễn Hoàng đến giao nhau với đường Lý Thái Tổ

7. Hai Bà Trưng: Đoạn từ Nguyễn Hoàng đến giao nhau với đường sắt

8. Nguyễn Hoàng: Đoạn từ điểm đầu thị trấn Ái Tử, phía sau trụ sở UBND xã Triệu Ái cũ đến đường Hai Bà Trưng; đoạn từ Lê Lợi đến Nguyễn Trãi.

9. RD 06; RD 09;

VII. Đường loại 2d:

1. RD 07

VIII. Đường loại 3b:

1. Đặng Dung: Cả đường

2. Huyền Trân Công Chúa: Cả đường.

3. Đoàn Khuê: Cả đường

4. Phan Văn Dật: Cả đường.

IX. Đường loại 3c:

1. Đoàn Bá Thừa: Cả đường

2. Đoàn Lân: Cả đường.

3. Nguyễn Hữu Thận: Cả đường

4. Nguyễn Thị Lý: Cả đường.

5. Lê Văn Kính: Cả đường

6. Đặng Thí: Cả đường.

7. Văn Kiếm: Cả đường

8. Hồng Chương: Cả đường.

9. Lý Thường Kiệt: Cả đường

10. Đặng Dân: Cả đường.

11. Nguyễn Quang Xá: Cả đường

12. Nguyễn Hữu Khiếu: Cả đường.
13. Lê Thế Tiết: Cả đường
14. Trần Hữu Dục: Cả đường.
15. Trần Quỳnh: Cả đường.
16. Lý Thái Tô: Cả đường
17. Hoàng Thị Ái: Cả đường.
18. Trần Công Tiện: Cả đường
19. Nguyễn Văn Giáo: Cả đường.
20. Lê Hữu Trữ: Cả đường
21. Hai đường song song với đường Lê Lợi, đoạn từ đường Đoàn Khuê (đường vào Trại tạm giam) di nhà máy nước, thuộc tiểu khu 14-15, chưa có tên, mặt cắt 15m.

X. Các đoạn đường còn lại:

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4a
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp loại đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4c
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp vị trí 2 đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (bao gồm cả phần trải nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.

K. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN HẢI LĂNG:

I. Đường loại 1c:

I. Quốc Lộ 1A: Cả đoạn trên địa bàn Thị trấn Hải Lăng

II. Đường loại 3a:

1. Đường tỉnh 582: Cả đoạn trên địa bàn Thị trấn Hải Lăng
2. Đường 581: Cả đoạn trên địa bàn Thị trấn Hải Lăng

III. Đường loại 3b:

1. Ngô Quyền: đoạn từ đường tỉnh 582 đến ranh giới thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ
2. Trần Hưng Đạo: đoạn từ đường tỉnh 582 đến ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ
3. Đường 19/3: đoạn từ đường tỉnh 582 đến ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ
4. Trần Phú: đoạn từ đường tỉnh 582 đến ranh giới giữa thị trấn Hải Lăng và xã Hải Thọ
5. Thanh Niên: đoạn từ đường tỉnh 582 đến đường 19/3

IV. Đường loại 3c:

1. Phía bắc đường 19/3: Từ đường tỉnh 582 đến hết ranh giới Thị trấn Hải Lăng.

V. Đường loại 3d:

1. Nguyễn Huệ: cả đường
2. Mai Văn Toàn: cả đường
3. Phan Thanh Chung: cả đường
4. Đường ven Hồ đập Thanh: đoạn từ sau nhà Ông Lâm Khóm III, thị trấn Hải Lăng đến tiếp giáp đường ngang nối với đường 19/3.
5. Đường song song với đường tỉnh 582 (Phía bắc): đoạn từ phía sau nhà ông Hoàng Khóm III, thị trấn Hải Lăng đến đường ven Hồ đập Thanh khóm III, thị trấn Hải Lăng (Phía sau Tòa án).
6. Lý thường Kiệt: đoạn từ đường tỉnh 582 đến cầu Mai Đàn.
7. Các đoạn đường giữa từ tiếp giáp đường tỉnh 582 (nhà ông Nguyễn Trung Văn) đến lô đất số 89 thuộc khu đất ở cán bộ và nhân dân thuộc khóm 3, thị trấn Hải Lăng.
8. Tôn Thất Thuyết: cả đường
9. Trần Thị Tâm: cả đường

VI. Đường loại 3 e:

1. Đường Bệnh viện đi Hải Xuân: từ đường tỉnh 582 đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.
2. Đoạn đường: từ nhà Ông Hiền Khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà ông Cường Khóm I, thị trấn Hải Lăng.

3. Đoạn đường: từ Phòng Thống kê Hải Lăng đến hết ranh giới Thị trấn Hải Lăng.
4. Lý thường Kiệt: từ cầu Mai Đàn đến hết ranh giới Thị trấn Hải Lăng.
5. Nguyễn Ngọc Thuyết: cả đường
6. Lê Thị Tuyết: cả đường

VII. Đường loại 4a:

1. Nguyễn Trãi: cả đường
2. Các đoạn đường có mặt đường nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 8 m trở lên.

VIII. Đường loại 4b:

1. Đoạn đường: từ nhà ông Thơ Khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà Bà Hoàn Khóm I, thị trấn Hải Lăng.
2. Các đoạn đường: từ đường tỉnh 582 đến dãy 2 ở khóm I, thị trấn Hải Lăng
3. Đoạn đường: từ nhà Ông Tân khóm I, thị trấn Hải Lăng đến nhà Ông Thanh khóm I, thị trấn Hải Lăng.
4. Đoạn đường: từ nhà Ông Lý khóm II, thị trấn Hải Lăng đến hết ranh giới thị trấn Hải Lăng.
5. Đoạn đường từ đường 8b đến tường rào phía Nam trường Tiểu học và từ lô đất số 30 đến lô đất số 38 (song song với đường 8b)
6. Các đoạn đường có mặt đường nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 6 m đến dưới 8 m
7. Các đoạn đường chưa đổ nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 8 m trở lên

IX. Đường loại 4c:

1. Các đoạn đường dãy 2 song song đường tỉnh 582 đoạn ở khóm I, thị trấn Hải Lăng
2. Đoạn đường dãy 2: từ nhà bà Gái khóm II, thị trấn Hải Lăng đến nhà Ông Lâm khóm II, thị trấn Hải Lăng.
3. Đoạn đường dãy 2: từ sau nhà Ông Khiết khóm III, thị trấn Hải Lăng đến nhà Ông Sáu Khóm III, thị trấn Hải Lăng.
4. Đường nối từ sau nhà ông Lê Thanh đến đường Nguyễn Huệ (dọc hàng rào phía Nam trường Tiểu học thị trấn)
5. Các đoạn đường có mặt đường nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 3 m đến dưới 6 m
6. Các đoạn đường chưa đổ nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 6 m trở lên đến dưới 8 m

7. Các đoạn đường chưa đổ nhựa hoặc bê tông có mặt cắt từ 3 m trở lên đến dưới 6 m xếp vị trí 2 đường loại 4c

8. Các đoạn đường còn lại có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

- Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (*bao gồm cả phần trái nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng*) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, **điểm cuối** đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.

L. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN HỒ XÁ

I. Đường loại 1b

1. Lê Duẩn (Quốc lộ 1A): Đoạn từ ngã tư rẽ vào Lâm trường đến ngã ba rẽ vào cơ quan Mặt trận huyện

II. Đường loại 1c

1. Lê Duẩn (Quốc lộ 1A): Đoạn từ ngã ba rẽ vào cơ quan Mặt trận huyện đến hết ranh giới thị trấn Hồ Xá.

2. Lê Duẩn (Quốc lộ 1A): Đoạn từ ngã tư rẽ vào Lâm trường đến hết ranh giới thị trấn Hồ Xá (mốc địa giới hành chính 3 xã: TT, Vĩnh Tú, Vĩnh Long).

III. Đường loại 1d

1. Hùng Vương: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng Bệnh viện Vĩnh Linh.

2. Chu Văn An: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng trường THPT.

IV. Đường loại 2a

1. Đoạn từ nhà ông Tĩnh (bán VLXD) đến hết **hết nhà bà Hoa**

2. Đường Trần Phú: Đoạn từ ngã 3 đường Trần **Phú-Hai Bà** Trung đến giáp đường Quang Trung.

V. Đường loại 2b

1. Hai Bà Trưng: Đoạn từ cổng Công an huyện đến giáp đường Trần Phú.

2. Trần Hưng Đạo: Đoạn từ đường Hùng Vương (nhà văn hóa thiếu nhi) đến giáp đường Đinh Tiên Hoàng.

3. Nguyễn Du: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp đường Lý Thường Kiệt.

4. Quang Trung: Đoạn từ cây xăng thương mại đến giáp ranh giới xã Vĩnh Nam

VI. Đường loại 2c

1. Trần Hưng Đạo: Đoạn giáp đường Đinh Tiên Hoàng đến giáp đường Lý Thánh Tông (đường vào khóm Vĩnh Bắc).

2. Đinh Tiên Hoàng: từ Quốc lộ 1A (Nhà máy giấy) đến ngã ba nhà bà Ẻn.
3. Lý Thường Kiệt: Đoạn từ ngã 3 nhà bà Ẻn đến ngã 3 giáp đường Trần Phú và Hai bà Trưng (sân vận động huyện)

VII. Đường loại 3a

1. Nguyễn Văn Linh: Đoạn từ cổng Bệnh viện Vĩnh Linh đến giáp đường Nguyễn Văn Cừ (ngã tư nhà ông Kiếm).

VIII. Đường loại 3b

1. Nguyễn Văn Cừ: Đoạn từ Quốc lộ 1A (quán Vương Cát Trà) đến giáp đường Nguyễn Văn Linh tại ngã tư nhà ông Kiếm.
2. Lê Hồng Phong: Đoạn từ Quốc lộ 1A (quán sửa xe ông Hoà) đến giáp đường Nguyễn Văn Linh (ngã tư nhà ông Hùng)
3. Ngô Quyền: Đoạn giáp đường Nguyễn Văn Cừ (ngã ba nhà ông Thù) đến đường Quang Trung (ngã ba Đội quản lý đường bộ)

IX. Đường loại 3c

1. Lê Hữu Trác: Đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh (ngã ba nhà ông Cá) đến giáp điểm cuối đường Lê Hồng Phong (Trạm thú ý cũ).
2. Đinh Tiên Hoàng: Đoạn từ ngã ba nhà bà Ẻn đến Cầu Đúc (vẽ Vĩnh Tú)
3. Nguyễn Văn Linh: Đoạn từ ngã tư nhà ông Kiếm đến giáp đường Lê Hồng Phong (ngã tư nhà thầy Hùng)
4. Lê Hồng Phong: Đoạn từ ngã tư nhà thầy Hùng đến giáp đường Lê Hữu Trác (ngã ba trạm thú ý cũ)
5. Nguyễn Lương Bằng: Đoạn từ Quốc lộ 1A (nhà ông Khảm cơ khí) đến ngã ba nhà ông Hùng và nhà bà Loan
6. Cao Bá Quát: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp đường Nguyễn Lương Bằng (ngã ba nông trường Bộ).

X. Đường loại 3d

1. Nguyễn Thị Minh Khai: Đoạn từ Quốc lộ 1A (nhà ông Hồng vật liệu) vòng qua Cục dự trữ đến giáp đường Quang Trung ở ngã tư Huyện đội.
2. Phan Huy Chú: Đoạn từ nhà ông Mão (thợ mộc) đến ngã ba đường vào xây dựng cũ.
3. Hoàng Văn Thụ: Đoạn từ Quốc lộ 1A (nhà ông Ánh) đến giáp ranh giới xã Vĩnh Hoà.
4. Huyền Trân Công Chúa: Đoạn giáp đường Hùng Vương đến giáp đường Lê Hồng Phong

XI. Đường loại 3e

1. Lý Thánh Tông: Đoạn từ Quốc lộ 1A đi khóm Vĩnh Bắc đến giáp đường Đinh Tiên Hoàng.
2. Phạm Văn Đồng: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp đường Nguyễn Trãi.
3. Tôn Đức Thắng: Đoạn từ Quốc lộ 1A đến giáp đường Nguyễn Trãi.
4. Lê Thế Hiếu: Cả đường.

5. Võ Thị Sáu: Cả đường

6. Huyền Trân Công Chúa: Đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến giáp Trạm bảo vệ thực vật

7. Đoạn đường: Giáp đường Lê Hồng Phong đến giáp đường Tôn Đức Thắng

XII. Các đoạn đường còn lại có mặt cắt:

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 3e
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp loại đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4c
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp vị trí 2 đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (*bao gồm cả phần trải nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng*) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.

M. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN BẾN QUAN

I. Đường loại 3d

1. Đường Hồ Chí Minh: Đoạn từ quán Huyện Ý đến cầu Bến Quan

II. Đường loại 3e

1. Đoạn đường: Từ cầu Hạnh phúc đến hết chợ Bến Quan và các đường đổ nhựa có mặt cắt 8m trở lên (chưa được xếp loại).

III. Các đoạn đường còn lại có mặt cắt:

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 3e

- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4b
 - Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp loại đường 4c
 - Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.
2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:
- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4b
 - Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4c
 - Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp vị trí 2 đường 4c
 - Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.
3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (*bao gồm cả phần trải nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng*) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, điểm cuối đường và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.

N. PHÂN LOẠI CÁC TUYẾN ĐƯỜNG THỊ TRẤN CỬA TÙNG

I. Đường loại 2d

1. Đường 574 (đường 70): Đoạn từ ranh giới xã Vĩnh Tân đến ngã 3 Cửa Tùng (nhà ông Lê Ngọc Vinh)
2. Đoạn từ ngã 3 Cửa Tùng đến đường 574 (nhà nghỉ Nguyễn Hoàng)
3. Đường 572 (đường Cạp Lài): Đoạn từ nhà nghỉ Biển Xanh 3 đến Cầu Đúc
4. Đường du lịch bãi tắm Cửa Tùng: Đoạn từ nhà nghỉ Cục Thuế đến giáp đường 574
5. Đoạn đường từ ngã 3 Cửa Tùng đến cầu Cửa Tùng

II. Đường loại 3c

1. Đường vào cảng cá: Đoạn từ giáp cầu Cửa Tùng (nhà ông Lê Văn Sinh) đến cảng cá
2. Đường du lịch mới: Đoạn từ đối diện Đồn Biên phòng 204 đến giáp đường 574 (trạm đèn biển)

III. Đường loại 3e

1. Đường du lịch: Đoạn từ ngã 3 cầu Đúc đến giáp ranh giới xã Vĩnh Thạch
2. Đường 572 (đường Cạp Lài): Đoạn từ cầu Đúc đến giáp ranh giới xã Vĩnh Thạch
3. Đường từ thôn An Đức 3 đến thôn Quang Hải: Đoạn giáp đường 574 (đường 70) đến đường 572 (đường Cạp Lài)

4. Đường 4 Thạch: Đoàn từ tỉnh lộ 572 (Hội trường khu phố Thạch Nam) đến đường Du lịch

IV. Các đoạn đường còn lại:

1. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 3e
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp loại đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

2. Các đoạn đường còn lại chưa có tên hoặc có tên nhưng chưa được xếp loại, mặt đường chưa được đổ nhựa, bê tông thì được xếp loại như sau:

- Mặt cắt từ 8m trở lên: xếp loại đường 4b
- Mặt cắt từ 6m đến dưới 8m: xếp loại đường 4c
- Mặt cắt từ 3m đến dưới 6m: xếp vị trí 2 đường 4c
- Các đoạn đường có mặt cắt dưới 3m: xếp theo vị trí của các đường đã xếp loại.

3. Mặt cắt của các tuyến đường được tính theo mặt cắt thực tế hiện có (*bao gồm cả phần trái nhựa, hoặc bê tông và lề đường theo hiện trạng*) và được tính bằng trung bình mặt cắt của điểm đầu đường, **điểm cuối đường** và tối thiểu 2 điểm đại diện của tuyến đường.



Phụ lục V

QUY ĐỊNH VỀ PHÂN LOẠI XÃ VÀ ĐẤT NÔNG NGHIỆP TRONG ĐÔ THỊ THEO VÙNG, KHU VỰC; PHÂN VỊ TRÍ, LOẠI ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số: 23/2013/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)

I. Phân loại xã theo vùng

1. Huyện Hướng Hoá:

Xã miền núi:

Gồm các xã: Tân Hợp, Tân Liên, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Thuận, Thanh, Hướng Lộc, A Xing, A Túc, A Dơi, Xi, Pa Tầng, Húc, Hướng Tân, Hướng Linh, Hướng Sơn, Hướng Phùng, Hướng Lập, Hướng Việt.

2. Huyện ĐaKông:

Xã miền núi:

Gồm các xã: Hướng Hiệp, ĐaKông, Mò Ó, Triệu Nguyên, Ba Lòng, Hải Phúc, Tà Long, Húc Nghi, Pa Nang, Tà Rụt, A Ngo, A Bung, A Vao.

3. Huyện Cam Lộ

a) Xã miền núi:

Gồm các xã: Cam Chính, Cam Nghĩa, Cam Thành, Cam Tuyền

b) Các xã Trung du gồm:

- Xã Cam An: Thôn Mỹ Hoà, Thôn Xuân Khê
- Xã Cam Thủy: Thôn Tân Xuân, Thôn Thiện Chánh
- Thị trấn Cam Lộ: Khu phố Nam Hùng, thôn Nghĩa Hy, khu phố Thiết Tràng

c) Các xã đồng bằng, gồm:

- Các xã: xã Cam Hiếu, xã Cam Thanh
- Xã Cam An: các thôn còn lại
- Xã Cam Thủy: các thôn còn lại

4. Huyện Gio Linh

a. Xã miền núi:

Gồm các xã: Linh Thượng, Vĩnh Trường, Hải Thái

b. Các xã Trung du gồm:

Xã Gio Sơn, xã Gio Hòa, xã Gio An, xã Gio Bình, xã Linh Hải, xã Gio Châu (phần diện tích phía Tây đường sắt), xã Trung Sơn (phần diện tích phía Tây đường sắt), xã Gio Phong (trừ phần diện tích phía Bắc kênh N2 và phần diện tích phía Đông Quốc lộ 1 A), xã Gio Quang (phần diện tích phía Tây đường sắt).

c. Các xã đồng bằng, gồm:

Xã Gio Việt, xã Gio Hải, xã Trung Giang, xã Trung Hải, xã Gio Mỹ, xã Gio Thành, xã Gio Mai, xã Gio Quang (phần diện tích còn lại), xã Gio Châu (phần diện

tích còn lại), xã Gio Phong (phần diện tích còn lại), xã Trung Sơn (phần diện tích còn lại).

5. Huyện Vĩnh Linh

a) *Xã miền núi:*

Các xã : Vĩnh Ô, Vĩnh Hà, Vĩnh Khê.

b) *Các xã đồng bằng, gồm:*

Xã Vĩnh Thủy, xã Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Lâm, xã Vĩnh Hoà, xã Vĩnh Nam, xã Vĩnh Long, xã Vĩnh Tú, xã Vĩnh Chấp, xã Vĩnh Trung, xã Vĩnh Thành, xã Vĩnh Hiền, xã Vĩnh Kim, xã Vĩnh Thạch, xã Vĩnh Giang, xã Vĩnh Tân, xã Vĩnh Thái.

6. Huyện Triệu Phong

a) *Các xã đồng bằng, gồm:*

Xã Triệu Phước, xã Triệu Độ, xã Triệu Thuận, xã Triệu Đại, xã Triệu Hoà, xã Triệu Trung, xã Triệu Tài, xã Triệu Sơn, xã Triệu Trạch, xã Triệu Thành, xã Triệu Đông, xã Triệu Long, xã Triệu An, xã Triệu Lăng, xã Triệu Vân

- Xã Triệu Giang: Khu vực phía đông đường sắt Bắc Nam

- Xã Triệu Ái: Khu vực phía đông đường sắt Bắc Nam

- Xã Triệu Thượng: Khu vực phía đông đường sắt Bắc Nam

b) *Các xã Trung du gồm:*

- Xã Triệu Giang: Khu vực phía Tây đường sắt Bắc Nam

- Xã Triệu Ái: Khu vực phía Tây đường sắt Bắc Nam

- Xã Triệu Thượng: Khu vực phía Tây đường Bắc Nam

7. Huyện Hải Lăng

a) *Các xã Trung du gồm:*

- Bao gồm khu vực phía Tây đường sắt Bắc Nam của các xã: Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Trường, Hải Phú, Hải Thượng, Hải Lâm, Hải Thọ

b) *Các xã đồng bằng, gồm:*

Gồm các xã: Hải An, Hải Khê, Hải Thành, Hải Tân, Hải Hoà, Hải Thiện, Hải Quy, Hải Xuân, Hải Vĩnh, Hải Quế, Hải Dương, Hải Ba; Các vùng còn lại của các xã: Hải Chánh, Hải Sơn, Hải Trường, Hải Thọ, Hải Thượng, Hải Lâm, Hải Phú.

8. Huyện đảo Cồn Cỏ: Áp dụng giá đất nông thôn vùng miền núi.

II. Phân loại đất nông nghiệp trong đô thị

1. Các phường tại thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị, các thị trấn: Hồ Xá, Cửa Tùng, Gio Linh, Cửa Việt, Ái Tử, Hải Lăng giá đất như xã đồng bằng.

2. Thị trấn Cam Lộ giá đất như xã trung du.

3. Các thị trấn: Khe Sanh, Lao Bảo, Đa Krông, Bến Quan giá đất như xã miền núi.

III. Nguyên tắc phân vị trí đất nông nghiệp của 3 loại xã: Đồng bằng, trung

du, miền núi và trong các đô thị.

1. Đất trồng cây hàng năm (kể cả đất trồng cây hàng năm khác), đất nuôi trồng thủy sản được phân theo 5 vị trí:

- **Vị trí 1:** Áp dụng đối với các thửa đất đáp ứng đủ 4 điều kiện:

+ Nằm ven các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, liên thôn, liên xóm và có khoảng cách không quá 500m kể từ mặt tiếp giáp trục đường giao thông (theo đường thẳng vuông góc với trục đường).

+ Có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm dân cư tập trung không quá 500m

+ Chủ động được nước tưới tiêu từ 70% trở lên.

+ Canh tác 2 vụ

- **Vị trí 2:** Gồm các thửa đất đáp ứng được 3 điều kiện của vị trí 1

- **Vị trí 3:** Gồm các thửa đất đáp ứng được 2 điều kiện của vị trí 1

- **Vị trí 4:** Gồm các thửa đất đáp ứng được 1 điều kiện của vị trí 1

- **Vị trí 5:** Gồm các thửa đất không đáp ứng được điều kiện nào của vị trí 1

2. Đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất phân theo 4 vị trí

- **Vị trí 1:** Áp dụng đối với các thửa đất đáp ứng đủ 3 điều kiện:

+ Nằm ven các trục đường quốc lộ, tỉnh lộ, liên xã, liên thôn, liên xóm và có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm dân cư tập trung không quá 1.500m kể từ mặt tiếp giáp trục đường giao thông (theo đường thẳng vuông góc với trục đường).

+ Có khoảng cách tính theo đường vận chuyển tới khu dân cư hoặc điểm dân cư tập trung không quá 1.500m

+ Cơ sở hạ tầng tương đối thuận lợi

- **Vị trí 2:** Gồm các thửa đất đáp ứng được 2 điều kiện của vị trí 1

- **Vị trí 3:** Gồm các thửa đất đáp ứng được 1 điều kiện của vị trí 1

- **Vị trí 4:** Gồm các thửa đất không đáp ứng được điều kiện nào của vị trí 1

3. Đất làm muối có 4 vị trí:

- **Vị trí 1:** Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung không quá 30m.

- **Vị trí 2:** Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung từ 30m đến 50m.

- **Vị trí 3:** Đất cách xa trục đường giao thông chính hoặc kho muối tập trung từ 50m đến 80m.

- **Vị trí 4:** Các khu vực đất còn lại.

IV. Đất ở; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại nông thôn được chia theo 3 khu vực thuộc địa giới hành chính cấp xã:

- **Khu vực 1:** Đất có mặt tiền tiếp giáp với quốc lộ, tỉnh lộ vừa nằm tại trung tâm xã, cụm xã (trong bán kính không quá 700m so với UBND xã, trường học, chợ, trạm y tế) hoặc liền kề với khu thương mại du lịch, khu công nghiệp.

- **Khu vực 2:** Nằm ven các trục đường có mặt cắt từ 5m trở lên. Tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã (trong bán kính không quá 700m so với UBND xã,

trường học, chợ, trạm y tế) hoặc khu thương mại du lịch, khu công nghiệp; hoặc tiếp sau phần đất khu vực 1.

- **Khu vực 3:** Các vị trí còn lại trên địa bàn xã.

* Vị trí của từng loại đất trong từng khu vực được xác định dựa vào khả năng sinh lợi, khoảng cách tới mặt tiền của các trục đường giao thông và điều kiện kết cấu hạ tầng thuận lợi cho sinh hoạt, kinh doanh và cung cấp dịch vụ theo nguyên tắc: Vị trí số 1 có mức sinh lợi cao nhất, có kết cấu hạ tầng thuận lợi nhất, gần trục đường giao thông chính nhất, các vị trí tiếp sau đó theo thứ tự từ thứ 2 trở đi có mức sinh lợi và điều kiện kết cấu hạ tầng kém thuận lợi hơn. Cụ thể:

- **Vị trí 1:** Đất tiếp giáp các trục đường giao thông quy định tại khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3 nói trên không quá 30m.

- **Vị trí 2:** Đất cách xa các trục đường giao thông quy định tại khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3 nói trên từ 30m đến 50m.

- **Vị trí 3:** Đất cách xa các trục đường giao thông quy định tại khu vực 1, khu vực 2, khu vực 3 nói trên từ 50m đến 80m.

- **Vị trí 4:** Các khu vực đất còn lại.

V. Khu vực đất tại Khu du lịch, Khu thương mại, Khu công nghiệp, Khu kinh tế, cụm công nghiệp:

- Khu vực 1: Thuộc địa bàn thành phố Đông Hà

- Khu vực 2: Gồm các huyện, thị xã: Quảng Trị, Gio Linh, Vĩnh Linh, Cam Lộ, Triệu Phong, Hải Lăng (trừ các xã Miền núi); Khu thương mại đặc biệt Lao Bảo.

- Khu vực 3: Gồm huyện Hướng Hoá (trừ Khu thương mại đặc biệt Lao Bảo), huyện Đakrông, huyện đảo Cồn Cỏ và các xã Miền núi của các huyện khác trong tỉnh.